|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND | *Cao Bằng, ngày tháng 7 năm 2023* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ .......**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số*[*46/2010/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-46-2010-nd-cp-thoi-viec-thu-tuc-nghi-huu-cong-chuc-104763.aspx)*ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 115*[*/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-46-2010-nd-cp-thoi-viec-thu-tuc-nghi-huu-cong-chuc-104763.aspx) *ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số*[*135/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-135-2020-nd-cp-tuoi-nghi-huu-445512.aspx)*ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;*

*Xét Tờ trình số ......./TTr-UBND ngày ...... tháng ..... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng**trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026*; *Báo cáo thẩm tra số ......./BC-BPC ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xãnghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 – 2026**.**

**Điều 2. Trách nhiệm thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, Kỳ họp thứ ......... thông qua ngày ..... tháng ........năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBTV Quốc hội, Chính phủ; - Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ LĐ-TB và XH; - Bảo hiểm xã hội Việt Nam; - Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp; - TT.TU, HĐND,UBND, UBMTTQ tỉnh; - Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành; đoàn thể tỉnh; - TT.HĐND, UBND cấp huyện; - Lãnh đạo Văn phòng; - Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh; - Phòng Công tác HĐND; - Lưu: VT, PC. | **CHỦ TỊCH**  **Triệu Đình Lê** |

**QUY ĐỊNH**

**Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số ........./2023/NQ-HĐND ngày .... tháng .... năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng giai đoạn 2023 – 2026.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (có phụ cấp chức vụ) không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

3. Cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

4. Trưởng các đoàn thể cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân.

5. Những đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, đã được cấp có thẩm quyền nhất trí cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**Điều 3. Đối tượng không áp dụng**

1. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã thuộc đối tượng giải quyết chế độ theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế; theo quy định tại Nghị định [26/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-26-2015-nd-cp-che-do-doi-voi-can-bo-khong-du-dieu-kien-ve-tuoi-tai-cu-tai-bo-nhiem-267682.aspx) ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức Chính trị - xã hội.

2. Những người chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh.

3. Các đối tượng đang trong thời gian luân chuyển, biệt phái; đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý có trình độ, chuyên ngành đào tạo mà cơ quan, đơn vị, địa phương đang thiếu, có kế hoạch tuyển dụng bổ sung.

5. Người làm việc trong các cơ quan thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trong các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong lực lượng vũ trang.

**Điều 4. Nguyên tắc áp dụng**

1. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Các trường hợp thôi việc ngoài được hỗ trợ theo Quy định này, được hưởng chế độ thôi việc theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với cán bộ cấp xã là Ủy viên Ban Thường vụ cấp huyện thì thực hiện chính sách hỗ trợ như đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

4. Cán bộ cấp xã đồng thời thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết này và Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh trưởng công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, thì chỉ được áp dụng theo một chính sách có mức hưởng cao nhất.

**Điều 5. Điều kiện hỗ trợ**

1. Cá nhân có đơn tự nguyện và đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động theo quy định hoặc có đơn tự nguyện thôi việc được cơ quan có thẩm quyền quản lý đồng ý bằng văn bản.

2. Điều kiện về thời gian công tác:

a) Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này còn thời gian công tác từ 12 tháng đến 60 tháng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc đến tuổi nghỉ hưu theo quy định.

b) Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 6. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi**

Trường hợp đủ điều kiện để hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội được hưởng các hỗ trợ sau:

1. Hỗ trợ 02 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu thực tế quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

2. Hỗ trợ thêm 02 tháng tiền lương cho tổng số 20 năm đầu công tác, từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp ½ tháng tiền lương;

3. Hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị trừ tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi, theo công thức tính sau:

Số tiền hỗ trợ = (Mức bình quân tiền lương tháng đóng Bảo hiểm xã hội) x (tỷ lệ % lương hưu bị trừ) x 12 tháng x 20 năm.

**Điều 7.** **Chính sách thôi việc**

Trường hợp thôi việc được hưởng các khoản hỗ trợ sau:

1. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng;

2. Được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

**Điều 8. Tổng mức hỗ trợ tối đa**

1. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 2 không vượt quá 350 triệu đồng/người.

2. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 không vượt quá 200 triệu đồng/người.

3. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 2 không vượt quá 180 triệu đồng/người.

4. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 2 không vượt quá 150 triệu đồng/người.

**Điều 9. Cách tính tiền lương và xác định thời gian**

1. Cách tính tiền lương tháng như sau:

a) Tiền lương tháng quy định tại Nghị quyết này được tính bao gồm: Tiền lương theo ngạch, bậc hoặc theo chức danh nghề nghiệp hoặc theo bảng lương; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

b) Tiền lương tháng để tính hỗ trợ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 của Quy định này được tính bình quân tiền lương tháng của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

2. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy định này và cáchxác định thời gian nghỉ hưu trước tuổi hoặc thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội có số tháng lẻ không đủ năm được tính theo quy định hiện hành.

**Điều 10. Kinh phí thực hiện**

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn tài chính của đơn vị.

2. Đối với các cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách cấp theo phân cấp ngân sách hiện hành./.